

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ – ST
Ngày 20/9/2024.
(V/v: Xin ly hôn và tranh chấp về
nuôi con chung).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Vinh.

2. Ông Ngô Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1976 – Có mặt.

Địa chỉ: T 6A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: T 6A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 03 tháng 09 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Sau một thời gian chung sống, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa chúng tôi thường xảy ra những bất đồng, đời sống vợ chồng giữa chúng tôi không hòa hợp, cuộc sống hôn nhân thường xuyên có những xung đột, cãi vã, mặc dù chúng tôi đã nhiều lần cố gắng vun vén cho cuộc sống hôn nhân, nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chúng tôi vẫn không có tiến triển, từ đó khiến cho đời sống vợ chồng giữa chúng tôi không hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là: Cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998, cháu Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003 và cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012.

Đối với cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998 và Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003, hiện nay hai cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu tòa giải quyết. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012 cho đến khi cháu trưởng thành theo quy định của pháp luật.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C.

+Về con chung: Có 03 con chung là cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998, cháu Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003 và cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012.

Đối với cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998 và Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003, hiện nay hai cháu đã lớn và trưởng thành nên không đặt ra để tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ, xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cháu Đ mong muốn ở với mẹ, và hiện nay cháu Đ đang do bà C chăm sóc. Như vậy nguyện vọng của bà C là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012 cho bà Phạm Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Kim C yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, xét thấy ông T không trực tiếp nuôi con nên việc đóng góp phí tổn nuôi con là cần thiết, vì vậy yêu cầu của bà C là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Kim C không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Văn T.

-Về con chung: Có 03 con chung là cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998, cháu Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003 và cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012.

Đối với cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998 và Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003, hiện nay hai cháu đã lớn và trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

Giao cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012 cho bà Phạm Thị Kim C nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

-Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Kim C không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03 tháng 09 năm 1997, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, tính tình không còn phù hợp nên vợ chồng đã sống ly thân, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông T tại chính quyền địa phương xác định, địa phương đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không T, ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay nên khả năng để ông T, bà C đoàn tụ là không khả thi. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mâu thuẫn nhưng không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà C xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn, như vậy đã thấy được quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Văn T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C, cho bà Phạm Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Văn T.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998, cháu Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003 và cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012.

Đối với cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998 và cháu Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003, hiện nay đã trưởng thành, việc lựa chọn sống cùng ai là quyền của các cháu, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012, xét thấy hiện nay bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Bên cạnh đó ông T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không thể xác định được nguyện vọng của ông về con chung, quá trình giải quyết vụ án cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vì vậy việc giao cháu Trần Triệu Đ cho bà Phạm Thị Kim C nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là hợp lý và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và

giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Kim C yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, ông T không trực tiếp nuôi con nên phải có trách nhiệm cùng đóng góp phí tổn nuôi con, vì vậy việc bà C yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Kim C không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Có 03 con chung là cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998, cháu Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003 và cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012.

Đối với cháu Trần Thị Tường V, sinh ngày 24/11/1998 và Trần Thị Quý N, sinh ngày 10/09/2003, hiện nay hai cháu đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

Giao cháu Trần Triệu Đ, sinh ngày 31/01/2012 cho bà Phạm Thị Kim C nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Trần Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Triệu Đ đủ 18 tuổi.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Kim C không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005965 ngày 29/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H.K;
- Chi cục THADS H.K;
- UBND xã H, H.K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Tuyển Phạm Xuân Vinh

H'Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Tuyên Phạm Xuân Vinh

H'Năm Bkrông

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Long Thạnh
H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

H' Năm Bkrông